

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **04/2019/HS-ST**

Ngày: 25/01/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: ông: Hoàng Ngọc Bân

Các Hội thẩm nhân dân: bà: Điều Thị Hương

bà: Hoàng Thị Quýt – Nghề nghiệp: Giáo

viên

- Thư ký phiên tòa: ông: Nông Văn Thắng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: ông Bùi Quang Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2018/HSST ngày 24 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019; Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN TRUỜNG S**; sinh ngày 09/4/2000 tại: Trà Vinh; Tên gọi khác: Không; HKTT: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Làm nông; họ và tên cha: Nguyễn Văn N, sinh năm: 1955; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1960; bị cáo có 08 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 2002, bị cáo là con thứ 07 trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/10/2018 cho đến nay (*có mặt*).

2. Họ và tên: **NGUYỄN HOÀNG P**; sinh ngày 18/6/2000 tại: Bình Phước; tên gọi khác: Không; HKTT: ấp 5, xã T2, huyện B, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12, nghề nghiệp: Làm nông; họ và tên cha: Nguyễn Tiến L, sinh năm: 1951; họ và tên mẹ: Hoàng Thị Đ, sinh năm: 1966; bị cáo có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1997, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/10/2018 cho đến nay (*có mặt*).

3. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN P2**; sinh ngày 21/3/2002 tại: Bình Phước; tên gọi khác: Không; HKTT: ấp 5, xã T2, huyện B, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12, Nghề nghiệp: Không; họ và tên cha: Nguyễn Văn K, sinh năm: 1982; họ và tên mẹ: Mai Thị S, sinh năm: 1981; bị cáo có 01 người em sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo được tại ngoại cho đến nay (*có mặt*).

- Bị hại: Đàm Văn L, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Ấp TA, xã Tân T, huyện B, tỉnh Bình Phước (*có đơn xin vắng mặt*).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Hoàng Thị Đ, sinh năm: 1966, địa chỉ: Ấp 5, xã H, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt).

+ Nguyễn Thị N, sinh năm: 1960, địa chỉ: Ấp T, xã Tân T, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- **Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn P2:** ông Nguyễn Văn Khoa, sinh năm: 1981 (cha ruột của bị cáo); địa chỉ: Ấp 5, xã Hưng Phước, huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn P2:** ông Dương Tất P – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 08/10/2018, nguyên trường s rủ nguyên hoàng p và nguyên văn p2 đi tìm kiếm tài sản của người dân để chiếm đoạt. Khi đi nguyên hoàng p điều khiển xe mô tô hiệu detech màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 49m6-4657 chở nguyên trường s và nguyên văn p2 đi đến nhà dân văn l, sinh năm: 1972 ở ấp t, xã tân t, huyện b, tỉnh bình phước tìm tài sản để chiếm đoạt. thấy không có người ở nhà nên cả 03 đi ra phía sau nhà cạy phá cửa sau rồi lén lút vào phía trong nhà cùng chiếm đoạt một ổ áp điện hiệu standa-gold, màu xanh loại 10kva. sau đó, nguyên trường s, nguyên hoàng p, nguyên văn p2 cùng mang ổ áp điện vừa trộm được mang đi tìm nơi tiêu thụ thì bị phát hiện và bị bắt giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số: 01/2019/BKL-ĐGTS ngày 09/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B xác định tại thời điểm ngày 08/10/2018 trị giá của máy ổ áp hiệu STANDA-GOLD, màu xanh loại 10KVA là: 3.010.000đ (ba triệu không trăm mười nghìn đồng).

Cáo trạng số: 03/CTr – VKS ngày 21 tháng 12 năm 2018 của viện kiểm sát nhân dân huyện b truy tố các bị cáo nguyên trường s, nguyên hoàng p, nguyên văn p2 về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị về tội danh và hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo nguyên trường s, nguyên hoàng p, nguyên văn p2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo nguyên trường s từ 08(tám) đến 10(mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16(mười sáu) đến 20(hai mươi) tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hoàng P từ 06(sáu) đến 08(tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12(mười hai) đến 16(mười sáu) tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, các điều 36, 90, 91, 100 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn P2 từ 06(sáu) đến 08(tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố và kết luận.

Các bị cáo không tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn P2 là ông Dương Tất P đưa ra những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, 74 của Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn P2 là ông Nguyễn Văn Khoa đồng ý với lời bào chữa của ông Dương Tất P, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Hoàng Thị Đ đã thay bị cáo Nguyễn Hoàng Phúc bồi thường cho bị hại 500.000đ, bà Nguyễn Thị N đã thay bị cáo Nguyễn Trường S bồi thường cho bị hại 500.000đ tại phiên tòa bà Hoàng Thị Đ, bà Nguyễn Thị N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền đã bỏ ra bồi thường cho bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung:

Đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với nhau về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án, cũng như vật chứng của vụ án, HĐXX có đủ cơ sở nhận định: Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 18giờ 30 phút ngày 08/10/2018, Nguyễn Trường S rủ Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Văn P2 đi tìm kiếm tài sản của người dân để chiếm đoạt. Khi đi NGUYỄN HOÀNG P điều khiển xe mô tô hiệu DETECH màu đỏ-đen, biển kiểm soát: 49M6-4657 chở Nguyễn Trường S và Nguyễn Văn P2 đi đến nhà Đàm Văn L, sinh năm: 1972 ở ấp T, xã Tân T, huyện B, tỉnh Bình Phước tìm tài sản để chiếm đoạt. Thấy không có người ở nhà nên cả 03 đi ra phía sau nhà cạy phá cửa sau lén lút vào phía trong nhà cùng chiếm đoạt một ổ áp điện hiệu STANDA-GOLD, màu xanh loại 10KVA. Sau

đó, Nguyễn Trường S, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Văn P2 cùng mang ổ áp điện vừa trộm được mang đi tìm nơi tiêu thụ thì bị phát hiện và bị bắt giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số: 01/2019/BKL-ĐGTS ngày 09/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện B xác định tại thời điểm ngày 08/10/2018 trị giá của máy ổ áp hiệu STANDA-GOLD, màu xanh loại 10KVA là: 3.010.000đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố là đúng hành vi, đúng pháp luật; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo Nguyễn Trường S, Nguyễn Hoàng P là người đã thành niên, có sức khỏe, nhận thức rõ hành vi lợi dụng sự mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu lén lút vào nhà chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật. Nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã cố ý thực hiện. Xét tính chất, mức độ hành vi bị cáo gây nên cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Trường S là người rủ hai bị cáo còn lại đi trộm cắp tài sản và hai bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Văn P2 đồng ý, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ trước khi thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng xét, tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, bị cáo Nguyễn Trường S là người khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực nhất phải chịu hình phạt cáo hơn, sau đó đến bị cáo Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Văn P2.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Trường S là người rủ hai bị cáo còn lại đi trộm cắp tài sản. Khi rủ hai bị cáo Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Văn P2, bị cáo Nguyễn Trường S biết rõ bị cáo Nguyễn Văn P2 chưa đủ 18 tuổi khi, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự như Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã đề nghị là có căn cứ chấp nhận.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo Nguyễn Trường S, Nguyễn Hoàng P đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 1.000.000đồng, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Nguyễn Văn P2 chưa đủ 18 tuổi nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, HĐXX cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản là một máy ổ áp STANDA-GOLD màu xanh và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Xét thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, các bị cáo có khả năng tự cải tạo. Đối chiếu với Nghị quyết số 02/2018 /NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng

thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo Nguyễn Trường S, Nguyễn Hoàng P có đủ điều kiện được hưởng án treo.

[6] Xét quan điểm và đề xuất mức hình phạt của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, đúng pháp luật. HĐXX chấp nhận.

[7] Về vật chứng: Đối với máy ô tô áp hiệu STANDA-GOLD, màu xanh loại 10KVA, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Đàm Văn L là có căn cứ.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu DETECH màu đỏ - đen, biển kiểm soát: 49M6-4657 là tài sản hợp pháp của bà Hoàng Thị Đ, Nguyễn Hoàng P sử dụng chiếc xe này vào việc trộm cắp tài sản bà Hoàng Thị Đ không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại xe cho bà Hoàng Thị Đ là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trường S, Nguyễn Hoàng P, Nguyễn Văn P2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Trường S **10**(mười) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách **20**(hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/01/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Trường S về Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; các điều 50, 17, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Hoàng P **08**(tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách **16**(mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/01/2019);

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng P về Ủy ban nhân dân xã T2, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 50, 17, 90, 91, 36, 100 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn P2 **06**(sáu) tháng cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan được giao quản lý giám sát nhận được Quyết định thi hành án và Bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P2 về Ủy ban nhân dân xã T2, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ người bị kết án đang chấp hành hình phạt chuyển đi nơi khác thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục có trách nhiệm thông báo ngay cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án kèm theo hồ sơ của người đó để Tòa án làm thủ tục cần thiết giao cho cơ quan, tổ chức nơi người đó chuyển đến tiếp tục giám sát, giáo dục.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên trả tự do cho các bị cáo Nguyễn Trường S, Nguyễn Hoàng P tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn P2, người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn P2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi bị hại cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- THADS huyện B;
- CQCSĐT CA huyện B;
- CQ THAHS CA huyện Bù Đốp;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Ngọc Bàn